

KPMG

**Công ty TNHH Một thành viên –
Tổng Công ty Phát điện 3**

Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thông tin về Công ty

Quyết định thành lập số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012

Quyết định thành lập do Bộ Công Thương cấp.

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 3502208399 ngày 26 tháng 11 năm 2012

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp và Đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 27 tháng 2 năm 2017.

Chủ tịch Ông Nguyễn Văn Lê

Ban Tổng Giám đốc	Ông Đinh Quốc Lâm	Tổng Giám đốc
	Ông Trương Quốc Phúc	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Phan Thanh Xuân	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Lê Văn Danh	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Cao Minh Trung	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Thanh Trùng Dương	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Khu Công nghiệp Phú Mỹ 1, Thị trấn Phú Mỹ,
Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Tổng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng Tổng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.



[Signature]
Đức Phúc
Phó Tổng Giám đốc

Bà Rịa – Vũng Tàu, ngày 28 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi Chủ tịch và Ban Tổng Giám đốc
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ nhưng lưu ý tới Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) trong báo cáo tài chính riêng. Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”) và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn tại Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài Chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ năm 2016 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”).

Theo hướng dẫn của Nghị định 10, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm. Hướng dẫn của các công văn này có sự khác biệt so với Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ảnh hưởng của việc áp dụng chính sách kế toán này đến báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh 3(a)(ii) và 3(a)(iii) của báo cáo tài chính riêng.

Các vấn đề khác

Chúng tôi tiến hành kiểm toán nhằm mục đích đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 6 đến trang 46. Thông tin bổ sung tại trang 47 không phải là phần bắt buộc của báo cáo tài chính riêng và không nằm trong phạm vi của cuộc kiểm toán báo cáo tài chính riêng, do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về thông tin này.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh



Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 16-02-070

Hà Vũ Định
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị
Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2018

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		15.911.984.977.103	16.983.010.678.031
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	4.449.120.834.886	1.657.505.332.849
Tiền	111		2.969.120.834.886	1.254.505.332.849
Các khoản tương đương tiền	112		1.480.000.000.000	403.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		1.200.000.000.000	430.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	1.200.000.000.000	430.000.000.000
Phải thu ngắn hạn	130		7.391.441.771.401	11.998.438.018.433
Phải thu của khách hàng	131	6	7.030.596.801.381	6.752.389.060.778
Trả trước cho người bán	132		165.621.040.512	300.979.314.297
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	195.714.572.062	4.945.069.643.358
Dự phòng phải thu khó đòi	137		(490.642.554)	-
Hàng tồn kho	140	8	2.781.600.703.141	2.737.429.717.484
Hàng tồn kho	141		2.782.464.246.308	2.737.609.129.256
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(863.543.167)	(179.411.772)
Tài sản ngắn hạn khác	150		89.821.667.675	159.637.609.265
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.822.794.130	8.179.926.933
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		77.230.412.442	28.865.970.543
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	13(b)	10.768.461.103	122.591.711.789

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		62.060.690.316.483	66.413.575.386.955
Phải thu dài hạn	210		769.382.459	22.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		769.382.459	22.000.000
Tài sản cố định	220		56.647.744.346.552	61.383.534.084.708
Tài sản cố định hữu hình	221	9	56.582.592.512.543	61.316.072.058.860
Nguyên giá	222		105.487.006.747.764	105.250.374.941.214
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.904.414.235.221)	(43.934.302.882.354)
Tài sản cố định vô hình	227	10	65.151.834.009	67.462.025.848
Nguyên giá	228		79.376.773.058	79.376.773.058
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(14.224.939.049)	(11.914.747.210)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.720.882.343.918	3.395.464.934.822
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.720.882.343.918	3.395.464.934.822
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	1.622.852.824.665	1.620.122.136.831
Đầu tư vào công ty con	251		673.230.812.227	670.500.124.393
Đầu tư vào các công ty liên kết	252		791.558.350.850	791.558.350.850
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		158.063.661.588	158.063.661.588
Tài sản dài hạn khác	260		68.441.418.889	14.432.230.594
Chi phí trả trước dài hạn	261		18.466.539.671	13.604.050.594
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		49.974.879.218	828.180.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		77.972.675.293.586	83.396.586.064.986

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

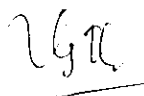
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

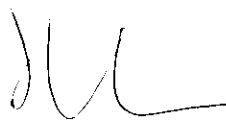
	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		69.574.214.742.933	75.979.397.638.406
Nợ ngắn hạn	310		11.376.723.106.245	10.216.345.612.432
Phải trả người bán	311	12	4.885.715.007.508	5.513.544.825.740
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		34.400.000	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13(a)	188.422.579.756	114.247.560.989
Phải trả người lao động	314		216.468.292.691	137.278.643.326
Chi phí phải trả	315		99.892.998.160	47.635.114.267
Doanh thu chưa thực hiện	318		15.890.415.131	15.158.214.637
Phải trả khác	319	14	955.367.252.544	896.001.245.028
Vay ngắn hạn	320	15(a)	4.749.925.918.560	3.288.800.893.324
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		842.500.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		264.163.741.895	203.679.115.121
Nợ dài hạn	330		58.197.491.636.688	65.763.052.025.974
Doanh thu chưa thực hiện	336		394.113.580.552	409.271.795.189
Vay dài hạn	338	15(b)	57.803.378.056.136	65.353.780.230.785
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		8.398.460.550.653	7.417.188.426.580
Vốn chủ sở hữu	410	16	8.398.460.550.653	7.417.188.426.580
Vốn góp	411	17	10.561.944.694.725	10.561.944.694.725
Vốn khác	414		1.566.487.558	1.566.487.558
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	18	(2.449.196.948.778)	(3.374.214.327.146)
Quỹ đầu tư phát triển	418		170.044.801.501	113.790.055.796
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		-	-
Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		114.101.515.647	114.101.515.647
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		77.972.675.293.586	83.396.586.064.986

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

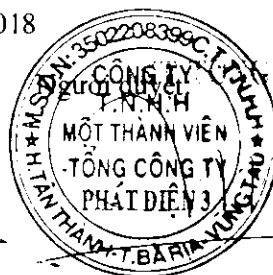
Người lập:

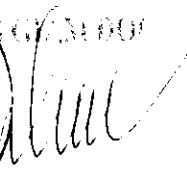


Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng





Trương Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

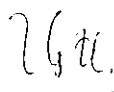
Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

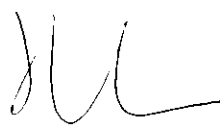
	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	34.683.735.158.343	33.442.273.322.124
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	22	30.620.724.191.140	30.131.004.816.105
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		4.063.010.967.203	3.311.268.506.019
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	285.484.917.613	255.019.724.551
Chi phí tài chính	22	24	3.756.031.492.601	3.208.903.908.387
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		2.626.329.546.170	2.513.380.880.767
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	25	340.840.095.669	297.233.225.528
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - 26}	30		251.624.296.546	60.151.096.655
Thu nhập khác	31		86.578.946.997	115.056.280.647
Chi phí khác	32		34.343.997.598	26.077.136.220
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		52.234.949.399	88.979.144.427
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		303.859.245.945	149.130.241.082
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	27	123.781.680.588	1.290.298.046
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		180.077.565.357	147.839.943.036

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

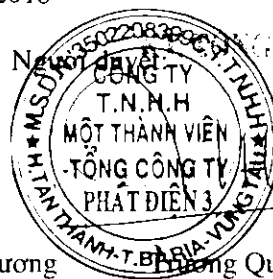
Người lập:



Vũ Phương Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Phó Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	303.859.245.945	149.130.241.082
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	4.998.467.612.289	5.824.583.061.579
Các khoản dự phòng	03	1.174.773.949	(2.027.073.274)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	1.111.607.688.164	652.702.433.911
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(271.060.315.446)	(231.371.824.058)
Chi phí lãi vay	06	2.626.329.546.170	2.513.380.880.767
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	8.770.378.551.071	8.906.397.720.007
Biến động các khoản phải thu	09	283.674.519.035	(3.513.292.503.109)
Biến động hàng tồn kho	10	(94.001.816.270)	(518.123.160.326)
Biến động các khoản phải trả	11	127.596.216.844	1.256.167.273.222
Biến động chi phí trả trước	12	1.494.643.726	13.077.579.252
		9.089.142.114.406	6.144.226.909.046
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.576.256.512.757)	(2.258.472.430.602)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.065.896.106)	(1.313.883.532)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	(25.517.143.676)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20	6.511.819.705.543	3.858.923.451.236
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.336.316.430.064)	(2.978.326.658.470)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	57.876.218	231.546.000
Tiền chi đầu tư tiền gửi có kỳ hạn	23	(1.000.000.000.000)	(200.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư tiền gửi có thời hạn	24	230.000.000.000	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	274.923.565.355	208.695.552.404
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30	(1.831.334.988.491)	(2.969.399.560.066)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

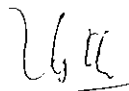
Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp - tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Thuyết số minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay	33	1.230.344.526.277	2.954.838.875.511
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(3.119.212.766.075)	(2.916.791.829.681)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(1.888.868.239.798)	38.047.045.830
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	2.791.616.477.254	927.570.937.000
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.657.505.332.849	729.919.588.667
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(975.217)	14.807.182
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70 4	4.449.120.834.886	1.657.505.332.849

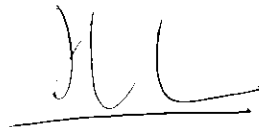
Ngày 28 tháng 3 năm 2018

Người lập:

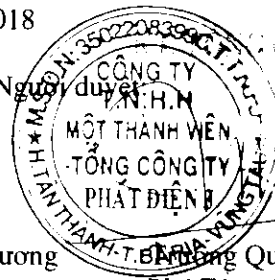


Vũ Phương Thảo
 Người lập biểu

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Hương
 Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Phúc
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3 (“Tổng Công ty”) được thành lập theo quyết định số 3025/QĐ-BCT ngày 1 tháng 6 năm 2012 của Bộ Công thương, hoạt động theo hình thức Tổng Công ty – Công ty con, trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam (“EVN”), trên cơ sở tổ chức, sắp xếp lại Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Phú Mỹ, một số Công ty phát điện, một số Ban quản lý (“BQL”) dự án nguồn điện và tiếp nhận quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại một số Công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

Tổng Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 3502208399 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp ngày 26 tháng 11 năm 2012.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Tổng Công ty là sản xuất, kinh doanh điện năng; quản lý vận hành sửa chữa bảo dưỡng, đại tu, cải tạo, nâng cấp thiết bị điện, công trình điện; ngoài ra, Tổng Công ty còn hoạt động trong một số lĩnh vực khoa học, công nghệ, nghiên cứu triển khai, đào tạo phục vụ cho hoạt động chính.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là trong vòng 12 tháng.

(d) Cấu trúc Tổng Công ty

Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty bao gồm:

- Các Công ty phát điện hạch toán phụ thuộc: Công ty Thủy điện Buôn Kuốp, Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân, Công ty Nhiệt điện Mông Dương; Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ;
- Các Ban Quản lý dự án nguồn điện: Ban Quản lý dự án Nhiệt điện 1, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân, Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Thái Bình;
- Công ty Dịch vụ Sửa chữa Các Nhà máy điện EVNGENCO 3;
- Văn phòng Tổng Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 3 công ty con và 3 công ty liên kết (1/1/2017: 3 công ty con và 3 công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh số 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Tổng Công ty có 2.539 nhân viên (1/1/2017: 2.306 nhân viên).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Tổng Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND lần lượt được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các khoản công nợ với Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại ngày kết thúc niên độ kế toán được Tổng Công ty chuyên đổi theo tỷ giá bán ra (bảng chuyên khoản) của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm lập báo cáo theo hướng dẫn của Công văn số 1779/BTC-ĐKT ngày 1 tháng 2 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sử dụng tỷ giá để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ (“Công văn 1779”) và Công văn số 4246/EVN-TCK ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc hướng dẫn lập báo cáo tài chính năm 2017 (“Công văn 4246”).

Ngoại trừ chính sách kế toán áp dụng riêng được trình bày dưới đây, các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(ii) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản của các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia

Theo hướng dẫn tại Nghị định số 10/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 9 tháng 2 năm 2017 (“Nghị định 10”), các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong phần “Vốn chủ sở hữu” và sẽ được phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong thời gian không quá 5 năm kể từ khi các công trình đi vào hoạt động thương mại. Hướng dẫn của Nghị định 10 có sự khác biệt so với hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Bộ Tài chính ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) mà theo đó các khoản chênh lệch tỷ giá này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh.

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản nhất quán theo Thông tư 200 qua các năm thì phần chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ lần lượt giảm và tăng cùng một khoản là 410.339.937.447 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt giảm và tăng là 428.777.794.857 VND), chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu”, và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.098.488.973.504 VND (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm 1.508.828.910.951 VND).

(iii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng phương pháp xử lý chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ theo hướng dẫn của Công văn số 5344/BTC-TCDN của Bộ Tài chính ngày 25 tháng 4 năm 2017 về việc xử lý chênh lệch tỷ giá đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của Tập đoàn điện lực Việt Nam (“Công văn 5344”), được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận theo Công văn số 122/TB-VPCP của Văn phòng Chính phủ ngày 6 tháng 3 năm 2017 (“Công văn 122”). Theo hướng dẫn của Công văn 5344 và Công văn 122, các khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm của các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 được ghi nhận vào chi tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc “Vốn chủ sở hữu”, thay vì vào “Chi phí tài chính”, và sẽ được phân bổ vào chi phí năm 2016 ít nhất bằng số chênh lệch tỷ giá của các khoản nợ đến hạn trả trong năm 2017 và đảm bảo kết quả sản xuất kinh doanh không lỗ, số còn lại được theo dõi và tiếp tục phân bổ trong thời gian không quá 5 năm.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Nếu Tổng Công ty áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 200 qua các năm thì chi phí tài chính và lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 sẽ giảm và tăng tương ứng là 514.677.440.921 VND (cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016: lần lượt tăng và giảm là: 486.514.926.344 VND), chỉ tiêu “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” trong phần “Vốn chủ sở hữu” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán riêng của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (giả định bỏ qua ảnh hưởng của thuế, nếu có) sẽ lần lượt tăng và giảm 1.350.707.975.274 VND (1/1/2017: lần lượt tăng và giảm 1.865.385.416.195 VND).

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc của Tổng Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tổng Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính. Giá trị tạm tính được xác định theo các cách sau: theo giá trị thực hiện đầu tư nếu tập hợp đủ chi phí vào giá thành công trình, theo dự toán được duyệt hoặc theo giá trị của những tài sản tương đương. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 20 năm
▪ thiết bị, dụng cụ quản lý	3 – 8 năm
▪ tài sản cố định khác	5 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không tính khấu hao.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(iii) Bản quyền chuyển giao công nghệ

Bản quyền chuyển giao công nghệ được ghi nhận theo giá gốc và được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản do Tổng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

(j) Phải trả người bán và phải trả khác

Phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(m) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển của Tổng Công ty được trích lập và sử dụng theo Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản tại doanh nghiệp.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(iv) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Doanh thu từ cổ tức

Doanh thu từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(r) Các bên liên quan

Các bên được xem có liên quan với Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên khác hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các cá nhân hoặc các tổ chức doanh nghiệp và bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được xem là liên quan.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.672.985.606	1.866.449.409
Tiền gửi ngân hàng	2.967.447.849.280	1.252.638.883.440
Các khoản tương đương tiền	1.480.000.000.000	403.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	4.449.120.834.886	1.657.505.332.849
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc một đến ba tháng tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác với lãi suất được hưởng là 4,3% - 5,5%/năm (năm 2016: 4,3%-4,8%/năm).

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng tại Ngân hàng thương mại và Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực, một bên liên quan, với lãi suất được hưởng là 5,3%-5,5%/năm (2016: 5,5%-5,7%/năm)

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con				
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	(i) 79,56%	481.235.570.000	481.235.570.000	650.630.490.640
▪ Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình	(ii) 54,76%	70.454.400.000	70.454.400.000	113.008.857.600
▪ Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức	(iii) 100,00%	121.540.842.227	-	(*)
		<u>673.230.812.227</u>	<u>-</u>	<u>670.500.124.393</u>

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	31/12/2017		1/1/2017	
	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết				
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà (iv)	30,00%	190.500.000.000	457.200.000.000	-
▪ Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh (v)	30,55%	517.058.350.850	1.083.891.505.600	-
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A (vi)	30,00%	84.000.000.000	(*)	-
		791.558.350.850		791.558.350.850
Đầu tư vào đơn vị khác				
▪ Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	2,50%	64.000.000.000	238.584.320.000	-
▪ Công ty TNHH Dịch vụ Năng lượng GE PMTP	15,00%	74.463.661.588	(*)	-
▪ Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	0,60%	19.600.000.000	(*)	-
		158.063.661.588		158.063.661.588

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (i) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 2744/QĐ-BCN ngày 26 tháng 8 năm 2005 của Bộ Công nghiệp và Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4903000451 ngày 1 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (ii) Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Nhiệt điện Ninh Bình theo Quyết định số 3945/QĐ-BCN ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Bộ Công thương. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Nhiệt điện Ninh Bình là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iii) Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 240/2005/QĐ-TT ngày 4 tháng 10 năm 2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Nhà máy Nhiệt điện Thủ Đức thành Công ty TNHH Nhà nước Một Thành Viên Nhiệt điện Thủ Đức. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (iv) Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 1603000069 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 31 tháng 3 năm 2006. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Thác Bà là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (v) Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước – Nhà máy Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh, là một đơn vị hạch toán phụ thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Ngày 4 tháng 5 năm 2005, Nhà máy chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh theo Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000058 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh là sản xuất và kinh doanh điện năng.
- (vi) Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A chính thức đi vào hoạt động ngày 1 tháng 11 năm 2003 theo công văn số 1391/CP-CN ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ. Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A là xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng, đầu tư xây dựng các công trình thủy điện và xây dựng công nghiệp.
- (*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày báo cáo do không có sẵn thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu của khách hàng

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Công ty Mua bán điện	7.001.600.313.462	6.735.599.186.936
Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 (thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam)	9.171.757.100	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 2	-	11.542.250.000
Các bên liên quan khác	2.746.860.739	-
Bên thứ ba		
Các khách hàng khác	17.077.870.080	5.247.623.842
	7.030.596.801.381	6.752.389.060.778

7. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	98.292.977.878	4.381.623.005.587
Dự án Nhà máy Nhiệt Điện Thái Bình 1	8.186.095.531	-
Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc	3.327.218.134	-
Công ty Tài chính Cổ phần Điện Lực	2.722.222.222	4.191.666.667
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2	1.572.568.631	-
Công ty TNHH Hyundai Việt Nam	185.242.610	401.479.171.901
Công ty TNHH Một thành viên Nhiệt điện Thủ Đức	435.505.600	-
Ban Quản lý Dự án Nhiệt điện 3	-	833.367.237
Cổ tức được chia	-	19.050.000.000
Phải thu khác	80.992.741.456	137.892.431.966
	195.714.572.062	4.945.069.643.358

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Hàng tồn kho

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	163.688.001.391	-	102.911.681.740	-
Nguyên vật liệu	2.541.490.544.990	(863.543.167)	2.600.815.445.625	(179.411.772)
Công cụ và dụng cụ	52.332.287.393	-	20.309.143.957	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.953.412.534	-	13.572.857.934	-
	2.782.464.246.308	(863.543.167)	2.737.609.129.256	(179.411.772)

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	179.411.772	2.206.485.046
Tăng trong năm	684.131.395	-
Hoàn nhập trong năm	-	(2.027.073.274)
	863.543.167	179.411.772

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	18.718.332.121.085	79.761.424.095.852	6.687.079.866.586	77.257.876.816	6.280.980.875	105.250.374.941.214
Tăng trong năm	1.300.355.931	32.507.730.917	3.676.174.918	4.655.543.639	-	42.139.805.405
Chuyển từ xây dựng cơ bản đỡ dở dang (Thuyết minh 11)	239.379.985.955	14.551.955.671	1.351.934.230	6.382.647.004	-	261.666.522.860
Nhận/(chuyển) sang đơn vị khác trong EVN	-	(62.197.156.745)	2.439.135.716	-	-	(59.758.021.029)
Thanh lý	-	(49.626.783)	(1.280.000.000)	(76.352.618)	-	(1.405.979.401)
Giảm khác	-	(6.010.521.285)	-	-	-	(6.010.521.285)
Phân loại lại	(201.418.178)	(32.910.596.088)	44.425.889.090	(5.225.757.585)	(6.088.117.239)	-

Số dư cuối năm 18.958.811.044.793 79.707.315.881.539 6.737.693.000.540 82.993.957.256 192.863.636 105.487.006.747.764

Giá trị bao mòn lũy kế

Số dư đầu năm	5.184.029.010.114	36.474.849.650.682	2.236.217.523.915	37.459.035.027	1.747.662.616	43.934.302.882.354
Khấu hao trong năm	732.875.572.394	3.906.259.747.813	342.814.358.728	14.194.124.530	13.616.985	4.996.157.420.450
Nhận/(chuyển) sang đơn vị khác trong EVN	-	(25.384.139.859)	743.045.690	-	-	(24.641.094.169)
Thanh lý	-	(49.626.783)	(1.278.380.057)	(76.352.618)	-	(1.404.359.458)
Giảm khác	-	(613.956)	-	-	-	(613.956)
Phân loại lại	(457.843.571.453)	453.094.593.496	7.799.860.195	(1.442.933.941)	(1.607.948.297)	-

Số dư cuối năm 5.459.061.011.055 40.808.769.611.393 2.586.296.408.471 50.133.872.998 153.331.304 48.904.414.235.221

Giá trị còn lại

Số dư đầu năm	13.534.303.110.971	43.286.574.445.170	4.450.862.342.671	39.798.841.789	4.533.318.259	61.316.072.058.860
Số dư cuối năm	13.499.750.033.738	38.898.546.270.146	4.151.396.592.069	32.860.084.258	39.532.332	56.582.592.512.543

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 22.713.648.594.174 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 7.333.569.431.957 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 1.963 tỷ VND (1/1/2017: 2.134 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng công ty (Thuyết minh 15(b)(*)).

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Bản quyền chuyên giao công nghệ VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm và cuối năm	64.452.359.739	11.153.522.171	3.770.891.148	79.376.773.058
Khấu hao trong năm				
Số dư đầu năm	6.099.321.921	2.314.490.684	3.500.934.605	11.914.747.210
Khấu hao trong năm	976.159.776	1.064.075.520	269.956.543	2.310.191.839
Số dư cuối năm	7.075.481.697	3.378.566.204	3.770.891.148	14.224.939.049
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	58.353.037.818	8.839.031.487	269.956.543	67.462.025.848
Số dư cuối năm	57.376.878.042	7.774.955.967	-	65.151.834.009

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 4.377.520.014 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 606.628.866 VND) nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	3.395.464.934.822	2.623.543.802.603
Tăng trong năm do mua mới	1.193.988.571.639	1.672.139.729.849
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(261.666.522.860)	(940.373.570.790)
Chuyển sang hàng tồn kho	(564.959.929.281)	
Các biến động khác	(54.142.181.353)	35.496.381.473
	3.720.882.343.918	3.395.464.934.822

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang gồm:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Mông Dương	1.546.836.406.303	1.124.652.173.310
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2	711.263.163.190	1.367.507.249.414
Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân	897.011.032.903	494.162.589.458
Cảng than Vĩnh Tân	483.510.872.821	338.960.447.028
Các công trình khác	82.260.868.701	70.182.475.612
	3.720.882.343.918	3.395.464.934.822

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả người bán

	31/12/2017	1/1/2017
	Giá gốc	Giá gốc
	VND	VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	299.168.645
Các bên liên quan khác	7.730.730.469	11.573.895.245
Bên thứ ba		
Công ty Vận chuyển khí Đông Nam Bộ	2.064.175.062.388	2.488.734.916.271
Công ty Shanghai Electric Group	1.525.447.889.495	1.846.413.913.829
General Electric GmbH (Switzerland)	441.888.029.101	-
Tập đoàn Công nghiệp Than Khoáng Sản Việt Nam	395.747.166.558	443.525.158.335
Các nhà cung cấp khác	450.726.129.497	722.997.773.415
	4.885.715.007.508	5.513.544.825.740
Số có khả năng trả nợ	4.885.715.007.508	5.513.544.825.740

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp/cán trừ trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	52.182.558.464	1.167.209.864.855	(1.113.545.823.789)	(70.966.889.910)	34.879.709.620
Thuế nhà thầu	3.078.328.836	14.457.194.561	(17.535.523.397)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	27.200.606.722	(27.200.606.722)	-	-
Thuế tài nguyên	33.264.608.404	356.833.910.534	(353.205.717.381)	-	36.892.801.557
Thuế thu nhập doanh nghiệp	432.881.426	123.781.680.588	(1.065.896.106)	(40.646.734.451)	82.501.931.457
Thuế thu nhập cá nhân	3.270.918.959	17.550.397.199	(17.143.818.430)	-	3.677.497.728
Phí lệ phí - phí dịch vụ môi trường rừng	22.018.264.900	80.022.837.260	(71.570.462.766)	-	30.470.639.394
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	6.041.865.358	(5.832.288.033)	(209.577.325)	-
Các loại thuế khác	-	17.620.407	(17.571.407)	(49.000)	-
	114.247.560.989	1.793.115.977.484	(1.607.117.708.031)	(111.823.250.686)	188.422.579.756

(b) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải thu trong năm VND	Số đã được hoàn lại trong năm VND	Phân loại lại VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	81.594.851.388	-	-	(70.966.889.910)	10.627.961.478
Thuế thu nhập doanh nghiệp	40.787.184.451	-	-	(40.646.734.451)	140.450.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	209.626.950	-	-	(209.577.325)	49.625
Các loại thuế khác	49.000	-	-	(49.000)	-
	122.591.711.789	-	-	(111.823.250.686)	10.768.461.103

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Phải trả khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Bên liên quan		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam (*)	672.641.114.110	621.272.298.291
Các bên liên quan khác	-	27.000.000
Bên thứ ba		
Thuế giá trị gia tăng tạm tính	180.234.266.182	188.152.714.542
Chi phí chuyên gia	50.122.891.107	43.319.952.378
Phải trả khác	52.368.981.145	43.229.279.817
	955.367.252.544	896.001.245.028

(*) Chi tiết các khoản phải trả khác cho Tập đoàn Điện lực Việt Nam

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Lãi vay, phí vay lại	672.519.931.249	621.272.298.291
Phải trả khác	121.182.861	-
	672.641.114.110	621.272.298.291

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		Đánh giá chênh lệch tỷ giá		31/12/2017	
	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND	Giá trị ghi số VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn đến hạn trả	3.288.800.893.324	3.288.800.893.324	4.570.786.176.262	(3.119.212.766.075)	9.551.615.049	4.749.925.918.560	4.749.925.918.560	4.749.925.918.560

(b) Vay dài hạn

	1/1/2017		Vay dài hạn đến hạn trả		Chuyển về EVN		Cán trừ công nợ với EVN		Đánh giá chênh lệch tỷ giá		31/12/2017	
	VND	Tăng VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay dài hạn	65.353.780.230.785	1.230.344.526.277	(4.570.786.176.262)	(3.506.018.228.841)	(875.604.776.746)	171.662.480.923	57.803.378.056.136					

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ các tổ chức				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	VND	2025	119.480.387.242	135.356.263.918
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	97.395.223.254	599.000.000.000
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Sở giao dịch I	VND	2024	2.350.000.000.000	2.172.769.979.856
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	-	374.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2025	1.741.390.481.376	1.966.086.027.360
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 4</i>				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VND	2029	-	2.338.883.568.274
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2029	-	1.167.134.660.567
<i>Dự án Cảng than Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch I	VND	2024	-	553.230.020.144
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	290.000.000.000	165.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	178.000.000.000	178.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Trần Duy Hưng	VND	2021	102.393.118.612	133.881.118.612
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (*)	VND	2019	184.132.364.311	276.196.364.311
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	338.000.000.000	338.000.000.000
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Hà Nội	VND	2025	-	165.000.000.000
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	VND	2018	202.000.000.000	202.000.000.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
<i>Dự án Cơ sở hạ tầng Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Tây Nam Hà Nội	VND	2026	164.801.951.161	90.571.810.108
			5.767.593.525.956	10.855.109.813.150
Vay lại từ Tập đoàn Điện lực Việt Nam				
<i>Dự án Nhiệt điện Mông Dương</i>				
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2032	449.463.107.334	463.999.704.804
Ngân hàng Phát triển Châu Á	USD	2034	19.249.288.966.287	19.035.820.381.561
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Hàn Quốc	USD	2028	9.728.811.701.938	10.681.142.416.666
<i>Dự án Nhiệt Điện Vĩnh Tân 2</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	6.820.268.027.292	6.254.621.639.385
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	CNY	2027	1.948.880.435.441	1.911.218.327.802
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	12.888.251.462.258	9.925.971.370.883
<i>Dự án Thủy điện Buôn Kuốp</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2026	96.072.108.793	103.400.575.863
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	71.059.575.068	75.387.491.087
<i>Dự án Thủy điện Buôn Tua Srah</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2020	107.768.022.992	144.038.310.850
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2019	83.590.802.249	139.191.924.107
Ngân hàng TMCP Á Châu	VND	2017	-	39.132.649.648
<i>Dự án Thủy điện Srêpôk 3</i>				
Ngân hàng Doanh nghiệp và Đầu tư Credit Agricole Việt Nam	USD	2020	229.041.639.962	306.127.643.119
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	VND	2019	332.053.575.761	553.422.601.761
<i>Dự án Nhiệt điện Phú Mỹ</i>				
Ngân hàng Hợp tác Quốc tế Nhật Bản	JPY	2028	4.781.161.023.365	5.072.359.835.098
<i>Dự án Cảng than Trung tâm Điện lực Vĩnh Tân</i>				
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2027	-	582.145.826.724
Ngân hàng Xuất nhập khẩu Trung Quốc	USD	2028	-	2.499.490.611.601
			56.785.710.448.740	57.787.471.310.959
			62.553.303.974.696	68.642.581.124.109

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay USD từ 1,65% đến 5,15% (2016: từ 1,65% đến 5,15%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay VND từ 8,80% đến 9,80% (2016: từ 8,80% đến 9,80%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay JPY từ 1,15% đến 2,75% (2016: từ 1,15% đến 2,75%).

Lãi suất thực tế trong năm của các khoản vay CNY là 3,60% (2016: 3,60%).

(*) Khoản vay từ Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được đảm bảo bằng nhà máy Thủy điện Buôn Kuốp có giá trị còn lại là 1.963 tỷ VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 2.134 tỷ VND).

Các khoản vay trực tiếp từ các Ngân hàng thương mại trong nước còn lại được bảo lãnh bởi Công ty mẹ, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, và không có tài sản đảm bảo.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Vốn khác VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	10.561.460.840.439	1.566.487.558	(3.316.477.195.659)	65.664.222.531	-	114.585.369.933	7.426.799.724.802
Tăng/(giảm) vốn trong năm	483.854.286	-	-	3.773.850.354	-	(483.854.286)	3.773.850.354
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	(57.737.131.487)	-	-	-	(57.737.131.487)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	147.839.943.036	-	147.839.943.036
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	44.351.982.911	(44.351.982.911)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(103.487.960.125)	-	(103.487.960.125)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(3.374.214.327.146)	113.790.055.796	-	114.101.515.647	7.417.188.426.580
Tăng/(giảm) vốn trong năm	-	-	-	2.231.476.098	-	-	2.231.476.098
Chênh lệch tỷ giá trong năm	-	-	925.017.378.368	-	-	-	925.017.378.368
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	180.077.565.357	-	180.077.565.357
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	54.023.269.607	(54.023.269.607)	-	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(126.054.295.750)	-	(126.054.295.750)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	10.561.944.694.725	1.566.487.558	(2.449.196.948.778)	170.044.801.501	-	114.101.515.647	8.398.460.550.653

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Vốn góp

Biến động vốn góp trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	10.561.944.694.725	10.561.460.840.439
Tăng vốn trong năm	-	483.854.286
Số dư cuối năm	<u>10.561.944.694.725</u>	<u>10.561.944.694.725</u>

Công ty mẹ trực tiếp và cấp cao nhất, Tập đoàn Điện lực Việt Nam, được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

18. Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc
 ngoại tệ (ii)

	1/1/2017 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2017 VND
	1.508.828.910.951	6.869.803.197	(417.209.740.644)	1.098.488.973.504
	1.865.385.416.195	-	(514.677.440.921)	1.350.707.975.274
	3.374.214.327.146	6.869.803.197	(931.887.181.565)	2.449.196.948.778

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản (i)
 Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc
 ngoại tệ (ii)

	1/1/2016 VND	Phát sinh VND	Phân bổ vào chi phí VND	31/12/2016 VND
	1.937.606.705.808	(11.568.054.212)	(417.209.740.645)	1.508.828.910.951
	1.378.870.489.851	717.119.574.920	(230.604.648.576)	1.865.385.416.195
	3.316.477.195.659	705.551.520.708	(647.814.389.221)	3.374.214.327.146

- (i) Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong giai đoạn xây dựng cơ bản các công trình điện nằm trong Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia (Thuyết minh 3(a)(ii)).
- (ii) Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả dài hạn có gốc ngoại tệ (Thuyết minh 3(a)(iii)).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phân phối lợi nhuận

Theo quy định tại điều 31 Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ, số lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ sẽ được nộp về Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Trong vòng một năm	6.090.521.991	5.998.153.974
Trong vòng hai đến năm năm	24.098.087.963	23.992.615.895
Sau năm năm	179.878.210.240	182.973.143.828
	210.066.820.193	212.963.913.697

Cam kết thuê hoạt động thể hiện số tiền thuê đất tại Thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam bao gồm 1 thửa đất thuê trong 38 năm kể từ ngày 26 tháng 11 năm 2012; 1 thửa đất thuê trong 49 năm từ ngày 11 tháng 11 năm 1999 và 3 thửa đất tại Xã Vĩnh Tân, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam trong 70 năm kể từ ngày 28 tháng 11 năm 2013.

(b) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
Đô la Mỹ	66.049,67	1.496.632.698	61.707,00	1.401.238.094

(c) Cam kết đầu tư

Tại ngày 31/12/2017, theo kế hoạch đầu tư xây dựng đã được phê duyệt, Tổng Công ty sẽ đầu tư 1.110.868 triệu VND để xây dựng các nhà máy điện và các công trình khác (tại ngày 1/1/2017 là 3.716.126 triệu VND).

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu tiêu thụ điện	34.431.989.442.960	33.289.515.394.142
Doanh thu dịch vụ khác	251.745.715.383	152.757.927.982
	<hr/>	<hr/>
	34.683.735.158.343	33.442.273.322.124

22. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn tiêu thụ điện	30.376.017.034.659	30.027.259.860.773
Giá vốn cung cấp dịch vụ khác	244.707.156.481	103.744.955.332
	<hr/>	<hr/>
	30.620.724.191.140	30.131.004.816.105

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	68.507.442.171	32.593.133.058
Cổ tức, lợi nhuận được chia	202.496.617.000	198.547.145.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	14.480.858.442	23.879.446.493
	<hr/>	<hr/>
	285.484.917.613	255.019.724.551

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Chi phí tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	2.626.329.546.170	2.513.380.880.767
Lỗi chênh lệch tỷ giá do thanh toán	18.088.860.427	42.820.593.709
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	1.111.607.688.164	652.702.433.911
Chi phí tài chính khác	5.397.840	-
	3.756.031.492.601	3.208.903.908.387

25. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nhân viên	170.580.729.813	142.255.435.683
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.553.623.260	49.459.118.683
Chi phí khác	118.705.742.596	105.518.671.162
	340.840.095.669	297.233.225.528

26. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	22.238.246.665.976	21.642.419.824.669
Chi phí nhân công	559.068.098.971	461.926.108.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.971.145.525.428	5.792.554.660.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	503.524.895.011	343.894.993.804
Chi phí sửa chữa lớn	2.017.643.478.237	1.672.041.349.109
Chi phí khác	671.935.623.186	515.401.105.053

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Năm hiện hành	123.779.583.959	746.659.130
Năm trước	2.096.629	543.638.916
	123.781.680.588	1.290.298.046

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	303.859.245.945	149.130.241.082
Thuế theo thuế suất Tổng Công ty	60.771.849.189	29.826.048.216
Chi phí không được khấu trừ thuế	211.341.128.605	1.148.110.633
Ưu đãi thuế	(107.834.070.435)	-
Thu nhập không bị tính thuế	(40.499.323.400)	(39.709.429.000)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận	-	9.481.929.281
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	2.096.629	543.638.916
	123.781.680.588	1.290.298.046

(c) Thuế suất áp dụng

Theo Luật thuế Thu nhập Doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Dự án nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 2 và dự án Nhà máy nhiệt điện Mông Dương 1 được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 4 năm kể từ năm đầu tiên dự án có thu nhập chịu thuế (từ năm 2015 đến năm 2018) và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Tổng Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam		
Mua điện	116.078.200.082	118.893.447.816
Vay trong năm	1.156.114.385.224	2.861.111.745.005
Thanh toán vay trong năm	2.346.513.218.606	2.197.119.368.507
Lãi vay	2.121.881.108.248	2.285.279.972.349
Công ty Mua bán điện		
Bán điện	34.431.989.442.960	33.289.515.394.142
Công ty Nhiệt Điện Duyên Hải		
Cung cấp dịch vụ	2.913.513.946	1.102.697.640
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc (Công ty Điện lực Quảng Ninh)		
Mua điện	8.074.281.106	5.711.774.770
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1		
Mua dịch vụ	3.079.872.790	5.374.769.868
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2		
Mua dịch vụ	7.818.244.357	5.567.887.306
Cung cấp dịch vụ	2.527.500.000	14.322.500.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3		
Mua dịch vụ	540.403.916	2.907.172.899
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 4		
Mua dịch vụ	11.652.664.648	9.724.635.250
Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực		
Thu lãi tiền gửi	23.864.750.000	23.002.944.447
Công ty Viễn thông Điện lực và Công nghệ Thông tin - CN Tập đoàn điện lực Việt Nam		
Mua dịch vụ	3.667.688.815	1.279.349.459
CN Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH - Công ty Thí Nghiệm Điện Miền Nam		
Mua dịch vụ	1.363.951.146	2.103.227.235

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa		
Cổ tức được chia	48.123.557.000	48.123.557.000
Mua dịch vụ	404.790.000	-
Cung cấp dịch vụ	230.454.545	-
Công ty Cổ Phần Nhiệt điện Ninh Bình		
Cổ tức được chia	10.568.160.000	10.568.160.000
Mua dịch vụ	2.109.026.292	-
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Thủ Đức		
Mua dịch vụ	2.810.919.834	7.803.418.524
Cung cấp dịch vụ	95.454.545	-
Công ty Cổ Phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh		
Cổ tức được chia	63.016.948.000	63.016.948.000
Công ty Cổ Phần Thủy điện Thác Bà		
Cổ tức được chia	41.910.000.000	34.290.000.000
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A		
Cổ tức được chia	16.800.000.000	16.800.000.000
Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2		
Cổ tức được chia	22.077.952.000	25.748.480.000
Cán bộ cấp quản lý		
Quỹ tiền lương	5.062.674.000	5.179.737.000

Công ty TNHH Một thành viên – Tổng Công ty Phát điện 3
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Các hoạt động đầu tư và tài chính phi tiền tệ

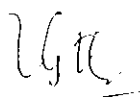
	2017	2016
	VND	VND
Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang mua chưa thanh toán	1.790.350.748.397	1.878.341.330.466
Bàn giao khoản vay về công ty mẹ	3.506.018.228.841	-
Cần trừ công nợ giữa vay và phải thu khách hàng	875.604.776.746	-
Chi phí lãi vay vốn hóa	12.197.470.951	4.658.591.687
Lãi vay vốn hóa vào gốc vay	-	151.764.775.065
Tăng đầu tư vào công ty con bằng quỹ đầu tư phát triển	2.730.687.834	3.773.850.354

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Tổng công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018

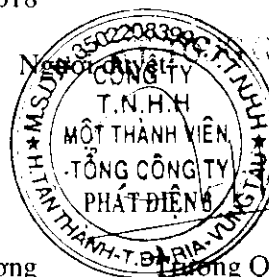
Người lập:



Vũ Phương Thảo
Người lập biểu



Nguyễn Thị Thanh Hương
Kế toán trưởng



Trương Quốc Phúc
Phó Tổng Giám đốc

